

Số: 943/QĐ-TTKN

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-TS-VP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Xét báo cáo ngày 26/5/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT với số HQ.05.0.21.01066 cho 22 sản phẩm thức ăn bổ sung; QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT với số HQ.05.0.21.01067 cho 13 sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT với số HQ.25.02336 cho 02 sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH KTS Âu Mỹ, địa chỉ: 49/69/5 Đường số 51, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giấy chứng nhận, thông tin chi tiết (Phụ lục) và kết quả thử nghiệm của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Thời hạn chứng nhận của sản phẩm được quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty TNHH KTS Âu Mỹ được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH KTS Âu Mỹ, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT TP Hồ Chí Minh;
- Giám đốc TT (b/c);
- Trung tâm Vùng I;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên



Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số 943/QĐ-TTKN ngày 06 tháng 6 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1	AK X10	Ấp Tân Thanh 2, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	HQ.05.0.21.01066-1	QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT
2	Vitalex-Mix		HQ.05.0.21.01066-2	
3	Calciphos 100		HQ.05.0.21.01066-3	
4	AQUA MINE		HQ.05.0.21.01066-4	
5	Vit C		HQ.05.0.21.01066-6	
6	Bac Visorb		HQ.05.0.21.01066-9	
7	Anti Growth		HQ.05.0.21.01066-11	
8	Best C 30		HQ.05.0.21.01066-12	
9	Green – Hufa		HQ.05.0.21.01066-13	
10	Hepa Gro		HQ.05.0.21.01066-14	
11	Hufa Gan		HQ.05.0.21.01066-15	
12	Min Milk		HQ.05.0.21.01066-17	
13	Vitamin C 30		HQ.05.0.21.01066-19	
14	Lactomin		HQ.05.0.21.01066-21	

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
15	Pure-Beta Glucan	Ấp Tân Thanh 2, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	HQ.05.0.21.01066-25	QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT
16	Super Hi Grow		HQ.05.0.21.01066-28	
17	IMO Zyme		HQ.05.0.21.01066-32	
18	One Max		HQ.05.0.21.01066-35	
19	Bio Min		HQ.05.0.21.01066-37	
20	Calciphos Sữa		HQ.05.0.21.01066-38	
21	Glucan		HQ.05.0.21.01066-43	
22	Enzyme		HQ.05.0.21.01066-45	
23	Clear Zet		HQ.05.0.21.01067-1	QCVN 02-32-1:2019/ BNNPTNT
24	EM VS		HQ.05.0.21.01067-3	
25	Yucca Top		HQ.05.0.21.01067-4	
26	Yucca Zeo		HQ.05.0.21.01067-5	
27	Max Power		HQ.05.0.21.01067-6	
28	Yucca 999		HQ.05.0.21.01067-8	
29	Super Clean		HQ.05.0.21.01067-11	
30	EDTA		HQ.05.0.21.01067-14	



STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
31	OX Thai	Ấp Tân Thanh 2, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	HQ.05.0.21.01067-15	QCVN 02-32-1:2019/ BNNPTNT
32	MKC		HQ.05.0.21.01067-17	
33	Sudine 99		HQ.05.0.21.01067-21	
34	Iodine		HQ.05.0.21.01067-23	
35	Canxi Xtommi		HQ.05.0.21.01067-26	
36	ONE MAX		HQ.25.02336-1	QCVN 02-32-2:2020/ BNNPTNT
37	BIO MIN		HQ.25.02336-2	

